

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 7 - 2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Sơn Ngọc Trọng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Hồng Ân.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 330/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hạnh E, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm A, thị t, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2022, các văn bản kèm theo bà Trần Thị Hạnh E trình bày:*

Về hôn nhân: Năm 1994, bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì bà E và ông T thường xuyên cãi vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, do cuộc sống kinh tế khó khăn thường xuyên tranh cãi, có hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được, bà và ông T không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho

đến nay. Bà E xác định là ông không còn tình cảm dành cho ông T. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà E không thể đoàn tụ gia đình với ông T, nay bà cương quyết ly hôn với ông T và yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông T vẫn không tham gia tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông T không cung cấp chứng cứ gì, ông T vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2012, bà Trần Thị Hạnh E và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà Trần Thị Hạnh E và ông Nguyễn Văn T xác định không còn tình cảm dành cho nhau. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nhận thấy, quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị Hạnh E và ông Nguyễn Văn T đã trong tình trạng trầm trọng, đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 cho đến nay mà không thể hòa giải hàn gắn được. Ông T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, thể hiện ông T không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Xét cho bà Trần Thị Hạnh E ly hôn với ông Nguyễn Văn T là có cơ sở.

[3] Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Hạnh E phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Hạnh E ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Hạnh E phải chịu 300.000 đồng. Bà Trần Thị Hạnh E đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0017802 ngày 22/4/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Bà Trần Thị Hạnh E có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Ngọc Trọng**